

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/ HSST

Ngày 10/4/2019.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Cúc và bà Trương Thị Ngoãn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình tham gia phiên Tòa: Ông Vũ Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 10/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2019/HSST ngày 22 tháng 3 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXX- HSST ngày 27/3/2019 đối với bị cáo: Họ và tên: **Trần Văn K**, sinh ngày 09/10/1990.

Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã Đ, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 11/12. Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Họ và tên bố: Trần Văn S, sinh năm 1955. Họ và tên mẹ: Vũ Thị B, sinh năm 1959. Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba. Tiền án: Không. Tiền sự: Có 02 tiền sự.

- Ngày 17/4/2015, bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quyết định số 1006/QĐ-UBND ngày 30/3/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, đến ngày 17/4/2017 chấp hành xong.

- Ngày 05/11/2018, bị Công an xã Đ, huyện Tiền Hải xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản theo quyết định số 03/QĐ-XPVPHC. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/01/2019 đến ngày 31/01/2019, sau đó chuyển tạm giam (Bị cáo có mặt tại phiên Tòa).

- Người bị hại: Anh Bùi Văn S1, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn V, xã Đ1, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1960, địa chỉ: Thôn D, xã Đ2, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt).

2. Anh Trần Hải S2, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 12^h00' ngày 06/11/2018, Trần Hải S2 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17N8 – 3229 đi từ nhà đến nhà em họ là Trần Văn K chơi. Gặp K đang đứng ở ngoài sân, S2 nói “*Anh em mình đi chơi tý không*” (Ý S2 nói rủ K đi trộm cắp tài sản), K đồng ý. S2 điều khiển xe mô tô chở K đi từ xã Đ đến xã Đ1, mục đích nếu phát hiện gia đình nào sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đến đoạn đường liên xã thuộc địa phận thôn V, xã Đ1, huyện Tiền Hải, S2 phát hiện chiếc máy gặt màu đỏ trắng của gia đình anh Bùi Văn S1 dừng ở lề đường bên trái, trên thành máy gặt có đề 02 **chiếc** cầu máy gặt bằng sắt không có người trong coi. S2 bàn với K “*Anh em mình lấy chiếc cầu máy gặt này*”, K đồng ý, S2 dừng xe phía sau máy gặt rồi nói K giữ xe còn S2 đến rút 01 **chiếc** cầu máy gặt bằng sắt dài 2,26 mét, rộng 50 cm S2 màu đỏ bê lên để ở giữa yên xe. Sau đó K điều khiển xe mô tô chở S2 ngồi sau giữ **chiếc** cầu máy gặt đến cửa hàng thu mua sắt phế liệu của chị Nguyễn Thị Thanh. K dừng xe, S2 xuống gặp chị T ga bán **chiếc** cầu máy gặt bằng sắt, chị T đồng ý mua, S2 và K bê **chiếc** cầu máy gặt lên bàn cân cân được 42 kg, chị T trả 7.200 đồng/01kg nhưng K không đồng ý và nói với chị T do **chiếc** cầu máy gặt là sắt cục nên bán với giá 7.500 đồng/01kg, chị T đồng ý mua và đưa cho S2 số tiền 320.000 đồng (gồm 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng và 02 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng). S2 nhận tiền sau đó chia cho K 160.000 đồng rồi cả hai về nhà.

Bản cáo trạng số 24/KSĐT ngày 21/3/2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải đã truy tố bị cáo Trần Văn K về tội “ Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo không khai thêm tình tiết mới. Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị cơ quan tiến hành tố tụng ép cung, bức cung hay nhục hình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải tỉnh Thái Bình luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên Tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đại diện Viện Kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Văn K theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 điều 173, điểm b, i, s khoản 1, 2 điều 51 điều 38, điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Văn K từ 06 đến 09 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Anh Bùi Văn S1 không yêu cầu bị cáo Trần Văn K phải bồi thường nên không phải giải quyết. Gia đình bị cáo K thỏa thuận bồi thường thiệt hại tài sản thay bị cáo K và anh Trần Hải S2 cho chị Nguyễn Thị T tổng số tiền 320.000 đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo K và ngoài ra đề nghị xử lý vật chứng.

Bị cáo không tranh luận gì với bản luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo cải tạo trở thành người lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. *Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Tiền Hải, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án này đều hợp pháp.

[2]. *Về căn cứ kết tội của bị cáo*: Tại phiên Tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Văn K có trong hồ sơ vụ án và tại phiên Tòa hôm nay phù hợp với các chứng cứ sau: Đơn trình báo và lời khai của những người bị hại là anh Bùi Văn S1, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu do Công an huyện Tiền Hải lập hồi 08^h00' ngày 08/11/2018, tại gia đình chị Nguyễn Thị T, sơ đồ hiện trường và biên bản khám nghiệm hiện trường do Công an huyện Tiền Hải lập ngày 08/11/2018, tại đoạn đường bê tông thuộc địa phận thôn V, xã Đ1, huyện Tiền Hải, bản kết luận định giá tài sản ngày 08/11/2018, của Hội đồng định giá tài sản, quyết định số 03/QĐ-XPVPHC ngày 05/11/2018 của Công an xã Đ, huyện Tiền Hải xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng đối với bị cáo K về hành vi trộm cắp tài sản và biên lai thu tiền phạt đối với Trần Văn K, lời khai của chị Nguyễn Thị T, anh Trần Hải S2 cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên đã đủ căn cứ khẳng định: Khoảng 12^h30' ngày 06/11/2018, tại đoạn đường liên thôn khu vực trước cửa gia đình anh Bùi Văn S1 ở thôn V, xã Đ1, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, lợi dụng sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản của gia đình anh Bùi Văn S1, Trần Văn K (Là đối tượng đang có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản) cùng anh Trần Văn S2 đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc cầu máy gặt bằng sắt dài 2,26 mét, rộng 0,5 mét, trọng lượng 42 kg, trị giá 315.000 đồng của anh S1 mang đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

[3]. *Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo*: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác. Bị cáo đã có hành vi bí mật lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của anh S1 nên bị cáo đã chiếm đoạt của anh S1 01 chiếc cầu máy gặt bằng sắt. Tổng giá trị tài sản bị cáo K trộm cắp của anh S1 là 315.000 đồng. Bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt số tiền 315.000 đồng của anh S1 là số tiền dưới hai triệu đồng nhưng bị cáo đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt. Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Văn K đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Điều 173. Trộm cắp tài sản.

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường

hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

- a) Đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;
 - b) Đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các Điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;
 - c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;
 - d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;
 - đ) Tài sản là di vật, cổ vật;
5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng.

[4]. Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo: Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân xấu đã có tiền sự. Bị cáo Trần Văn K không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” và “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “Gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại thay bị cáo và anh Trần Hải S2 cho chị Nguyễn Thị Thanh là 320.000 đồng” theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Người bị hại là anh S1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng thêm khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về hình phạt: Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo K. Xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là phù hợp với quy định của pháp luật. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo K có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bản thân bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Anh Bùi Văn S1 không yêu cầu bị cáo Trần Văn K phải bồi thường nên không phải giải quyết.

Gia đình bị cáo K thỏa thuận bồi thường thiệt hại tài sản thay bị cáo K và anh Trần Hải S2 cho chị Nguyễn Thị T tổng số tiền 320.000 đồng. Xét sự thỏa thuận không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận trên.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đối với một cầu máy gặt bằng sắt S2 màu đỏ dài 2,26 m, rộng 50 cm, trọng lượng 42 kg, chiếc cầu máy trên là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh S1 nên cần trả lại anh S1 là phù hợp.

[8]. Đối với các vấn đề khác trong vụ án: Đối với Trần Hải S2 cùng Trần Văn K thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 01 chiếc cầu máy gặt bằng sắt trị giá 315.000 đồng. Quá trình điều tra xác định, trước khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Trần Hải S2 chưa có tiền án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa có tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiền Hải không truy cứu

trách nhiệm hình sự mà ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trần Hải S2 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Trong vụ án này còn có chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1960, ở thôn D, xã Đ2, huyện Tiền Hải là người đã mua **chiếc** cầu máy gặt của Trần Văn K và Trần Hải S2, anh Trần Văn B, sinh năm 1978, trú tại thôn M, xã Đ, huyện Tiền Hải (Em trai của Trần Hải S2) là người đã cho Trần Hải S2 mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 17N8 - 3229 sau đó Trần Hải S2 sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định chị T không biết chiếc cầu máy gặt K và S2 bán cho chị là tài sản do trộm cắp mà có, anh B không biết S2 mượn chiếc xe của anh đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với chị T, anh B là có căn cứ.

[9]. Bị cáo Trần Văn K phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[10]. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 điều 173, điểm b, i, s khoản 1, 2 điều 51, điều 38, điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Văn K 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/01/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điều 3 Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh Bùi Văn S1 không yêu cầu bị cáo Trần Văn K phải bồi thường nên không phải giải quyết.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt tài sản của gia đình bị cáo Trần Văn K đã bồi thường thay cho bị cáo K và anh Trần Hải S2 cho người có quyền và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị T tổng số tiền là 320.000 đồng (Ba trăm hai mươi nghìn đồng). Hai bên đã giao và nhận xong số tiền bồi thường thiệt hại tài sản là 320.000 đồng.

4. Về vật chứng: Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại anh Bùi Văn S1, sinh năm 1962, địa chỉ: Thôn V, xã Đ1, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình một cầu máy gặt bằng sắt S2 màu đỏ dài 2,26 m, rộng 50 cm, trọng lượng 42 kg.

5. Về án phí: Áp dụng điều 23 nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Văn K phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Văn K, anh Trần Hải S2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Văn S1, chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái
Bình.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Tiền Hải
- Công an huyện Tiền Hải.
- THA huyện Tiền Hải
- UBND xã
- Đ, Tiền Hải.
- Bị cáo, những người tham gia
tổ tụng.
- Lưu

Nguyễn Thị Thanh

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN**

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN**

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

